**Toán lớp 6**

**ÔN TẬP CHƯƠNG II: SỐ NGUYÊN**

**I/ TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Trong các số nguyên âm sau, số nhỏ nhất là :

A. -789 B. -123 C. -987 D. -102

**Câu 2:** Kết quả phép tính: (–52) + 70 là:

1. 18 B. –18 C. –122 D. 122

**Câu 3:** Tập hợp các số nguyên Z bao gồm:

A. Các số nguyên âm và các số nguyên dương

B. Các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương

C. Số 0 và các số nguyên âm

D. Các số nguyên dương và số 0

**Câu 4:** Kết quả phép tính: –36 – 12 là:

A. 24 B. 48 C. – 24 D. – 48

**Câu 5:** Biết: . Số nguyên x là:

A. 28 B. -28 C. 62 D. -62

**Câu 6:** Số đối của số nguyên a kí hiệu là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. + a | B. | - a | | C. - a | D. | a | |

**II/ TỰ LUẬN**

**Bài 1:** Thực hiện phép tính

a)  b)  c) 

d)  e) 

**Bài 2:** Tìm số nguyên x, biết:

a) – 3x – 2 = - 20

b) 5 – (10 – x) = 7

c) (2x – 8) .2 = 24

d) |x – 3| +13 = 25

**Bài 3:** Tính nhanh:

a)  b) 

**Toán lớp 7**

**ÔN TÂP ĐẠI 7**

**I.TRẮC NGHIỆM : 3 điểm**

Điều tra số học sinh của các lớp của một trường THCS ta có kết quả sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 32 | 45 | 33 | 38 | 33 | 38 | 38 | 40 | 40 | 38 |
| 40 | 42 | 38 | 33 | 40 | 38 | 40 | 42 | 38 | 32 |

*Chọn câu trả lời đúng trong các câu sau:*

**Câu 1**: Dấu hiệu cần tìm hiểu ở đây là:

A. Số học sinh của mỗi trường . B. Số học sinh của mỗi lớp.

C. Số lớp của trường D. Số học sinh của trường .

**Câu 2**: Tổng các tần số của dấu hiệu thống kê là:

A.45 B.6 C.40 D.20

**Câu 3**: Số các giá trị khác nhau của dấu hiệu thống kê là:

A. 10 B. 7 C. 6 D. 20

**Câu 4**: Số lớp có 40 học sinh chiếm tỉ lệ :

A. 10% B. 25% C. 15% D. 40%

**Câu 5**: Giá trị xuất hiện nhiều nhất là:

A.45 B. 42 C.38 D. 40

**Câu 6**: Số học sinh có tần số ít nhất là :

A.32 B. 33 C. 1 D. 45

**II. TỰ LUẬN**: **7 điểm**

**Bài 1**: Trong một cuộc điều tra số con của 30 gia đình tại một huyện miền núi người ta lập bảng như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 4 | 5 | 1 | 3 | 2 | 7 | 4 | 0 | 1 | 4 |
| 3 | 5 | 4 | 2 | 7 | 3 | 6 | 4 | 7 | 6 |
| 5 | 0 | 2 | 3 | 4 | 5 | 5 | 7 | 4 | 4 |

a)Dấu hiệu ở đây là gì?

b) Tìm tần số của mỗi giá trị khác nhau và nhận xét.

**Bài 2**

Trong một cuộc điều tra tuổi nghề (tính theo năm) của một số công nhân của một phân xưởng ta có bảng sau

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 5 | 1 | 5 | 7 | 5 | 10 | 6 | 7 | 3 | 6 |
| 1 | 5 | 3 | 5 | 6 | 5 | 2 | 3 | 1 | 8 |
| 3 | 7 | 2 | 6 | 8 | 10 | 6 | 7 | 9 | 6 |

a)Dấu hiệu ở đây là gì?

b) Tìm số giá trị của dấu hiệu, số giá trị khác nhau, số đơn vị điêug tra?

b) Tìm tần số của mỗi giá trị khác nhau và nhận xét.

ÔN TÂP HÌNH 7

Bài 1: Cho tam giác ABC cân tại A có Â= 500. Tính số đo góc B, góc C.

Bài 2: Cho tam giác DEF vuông tại D có DE = 15cm, EF=17cm.Tính DF

**Toán lớp 8**

**BÀI TẬP ÔN TẬP TOÁN 8**

**Câu 1:**

1. Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:

a) 2x2 – 4x + 2 c) 5x2 – 10xy + 5y2 – 20z2

b) x2  – y2 + 3x – 3y d) (x2 + 1)2 – 4x2

2. Tìm x biết:

a) x2  + 5x = 0

b) 3x(x – 1) = 1 – x

**Câu 2:**

a. Tìm  biết 

b. Làm tính chia 

**Câu 3**: Cho biểu thức:



1. Với các giá trị nào của x thì giá trị phân thức được xác định?
2. Rút gọn biểu thức A.
3. Tính giá trị của biểu thức A khi

**Câu 4**: Cho phân thức: 

a) Tìm điều kiện của x để phân thức đã cho được xác định

b) Rút gọn phân thức.

**Câu 5:** Cho biểu thức sau:



a) Rút gọn biểu thức A

b) Tính giá trị của A khi 

**Câu 6:** Tìm a để x= -2 là nghiệm của phương trình x3+ ax2 - 4x - 4=0

**Câu 7.** Cho tam giác ABC gọi M,N, I, K theo thứ tự là trung điểm của các đoạn thẳng AB, AC, MC, MB.

a) Biết MN = 2,5 cm. Tính độ dài cạnh BC

b) Chứng minh tứ giác MNIK là hình bình hành.

c) Tam giác ABC phải có thêm điều kiện gì để tứ giác MNIK là hình chữ nhật? Vì sao?.

d) Cho biết , tính SAMN theo a.

**Câu 8:** Cho tam giác ABC vuông ở A, đường cao AH. Kẻ HD AB, HEAC

(D  AB, E  AC). Gọi O là giao điểm của AH và DE.

a) Chứng minh AH = DE.

b) Gọi P và Q lần lượt là trung điểm của BH và CH. Chứng minh tứ giác DEQP là hình thang vuông.

c) Chứng minh O là trực tâm tam giác ABQ.

d) Chứng minh SABC = 2 SDEQP .

**Câu 9:** Cho tam giác ABC cân tại A. Gọi E, F và D lần lượt là trung điểm của AB, BC, AC. Chứng minh:

a) Tứ giác BCDE là hình thang cân.

b) Tứ giác BEDF là hình bình hành

c) Tứ giác ADFE là hình thoi.

d) .

**----CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT-----**

**Toán lớp 9**

**ÔN TẬP TUẦN 3**

Bài 1:

1. Vẽ đồ thị các hàm số sau trên cùng mặt phẳng tọa độ.
2. Bốn đường thẳng trên cắt nhau tạo thành tứ giác OABC (O là gốc tọa độ). Chứng minh tứ giác OABC là hình thoi.

Bài 2: Cho ba đường thẳng y =-x+1; y=x+1 và y =x-1.

1. Vẽ ba đường thẳng đã cho trên cùng mặt phẳng tọa độ.
2. Gọi giao điểm hai đường thẳng y =-x+1; y=x+1 là A, giao điểm của đường thẳng y =x-1 với hai đường thẳng y =-x+1; y=x+1 lần lượt là B và C. Tìm tọa các điểm A,B,C. Chứng tỏ tam giác ABC cân.

Bài 3: Giải phương trình :

1. .
2. 
3. 

Bài 4 : Giải các hệ phương trình :





Bài 5 Một ô tô đi từ A đến B với một vận tốc xác định. Nếu vận tốc tăng thêm 30 km/h thì thời gian đi sẽ giảm 1 giờ. Nếu vận tốc giảm bớt 15 km/h thì thời gian đi tăng thêm 1 giờ. Tính vận tốc và thời gian đi từ A đến B của ô tô.

Bài 6: Cho tam giác ABC vuông tại A có AH đường cao. Biết BH = 9cm, HC = 16cm.

1. Tính AH; AC; số đo góc ABC. (số đo góc làm tròn đến độ) .
2. Tính độ dài phân giác AD của tam giác ABC.

Bài 7: Cho tam giác ABC nội tiếp đường tròn (O) đường kính BC. Vẽ dây cung AD của (O) vuông góc với đường kính BC tại H. Gọi M là trung điểm cạnh OC và I trung điểm cạnh AC. Từ M vẽ đường thẳng vuông góc với OC, đường thẳng này cắt tia OI tại N. Trên tia ON lấy điểm S sao cho N là trung điểm cạnh OS.

a) Chứng minh: Tam giác ABC vuông tại A .

b) Chứng minh: SC là tiếp tuyến của đường tròn (O).

c) Gọi K là trung điểm cạnh HC, vẽ đường tròn đường kính AH cắt cạnh AK tại F. Chứng minh:.

d) Trên tia đối của tia BA lấy điểm E sao cho B là trung điểm cạnh AE. Chứng minh ba điểm E, H, F thẳng hàng.

Bài 8**:** Một cái tháp được bên bờ một con sông, từ một điểm đối diện với tháp ngay bờ bên kia người ta nhìn thấy đỉnh tháp với góc nâng 60o. Từ một điểm khác cách điểm ban đầu 20m người ta cũng nhìn thấy đỉnh tháp với góc nâng 30o. Tính chiều cao của tháp và bề rộng của sông

